

BỘ Y TẾ

Số: 492/QĐ-BYT

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM**

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 17 tháng 02 năm 2012

QUYẾT ĐỊNH
VỀ VIỆC CẤP MÃ CHỨNG NHẬN ĐÀO TẠO LIÊN TỤC CHO CÁC ĐƠN VỊ
THAM GIA CÔNG TÁC ĐÀO TẠO CÁN BỘ Y TẾ

BỘ TRƯỞNG BỘ Y TẾ

Căn cứ Nghị định số [188/2007/NĐ-CP](#) ngày 27/12/2007 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ quyền hạn và cơ cấu tổ chức bộ máy của Bộ Y tế;

Căn cứ Nghị định của Chính phủ số [75/2006/NĐ-CP](#) ngày 2/8/2006 Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giáo dục;

Căn cứ vào Thông tư số 07/2008/TT-BYT ngày 28/5/2008 về Hướng dẫn công tác đào tạo liên tục đối với cán bộ y tế;

Theo đề nghị của ông Vụ trưởng Vụ Khoa học và Đào tạo, Bộ Y tế.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Bộ Y tế cấp mã chứng nhận đào tạo liên tục cho các đơn vị tham gia công tác đào tạo cán bộ y tế (danh sách kèm theo).

Điều 2. Các đơn vị đã được cấp mã số đào tạo liên tục có trách nhiệm quản lý, triển khai các hoạt động đào tạo liên tục cho cán bộ y tế theo các qui định của Bộ Y tế đã ban hành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Điều 4. Các Ông Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng Vụ Khoa học và Đào tạo, Vụ trưởng Vụ Kế hoạch – Tài chính và các ông (bà) Hiệu trưởng các trường đại học, cao đẳng, trung cấp, dạy nghề, Giám đốc Sở Y tế các tỉnh/thành phố, Viện trưởng các Viện nghiên cứu trung ương, Giám đốc các bệnh viện trung ương và các đơn vị có tên trong danh sách trên chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Nơi nhận:

- Như điều 4;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Lưu: VT, K2ĐT.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Nguyễn Viết Tiến

DANH SÁCH
CƠ SỞ ĐỦ ĐIỀU KIỆN THAM GIA CÔNG TÁC ĐÀO TẠO LIÊN TỤC CÁN BỘ Y TẾ
THEO THÔNG TƯ SỐ 07/2008/TT-BYT VÀ
QUI ĐỊNH MÃ CHO GIẤY CHỨNG NHẬN

(Kèm theo Quyết định số: 492/BYT-K2 ĐT, ngày 17 tháng 02 năm 2012)

1. Danh sách các đơn vị đào tạo liên tục cán bộ y tế với mã số A

TT	Tên trường/cơ sở đào tạo nhân lực y tế	Mã	Lĩnh vực được phép đào tạo liên tục ngành y tế
1	Trường Đại học Y Hà Nội	A001	Các chuyên ngành thuộc lĩnh vực Y khoa ở các trình độ
2	Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh	A002	Các chuyên ngành thuộc lĩnh vực Y-Dược ở các trình độ
3	Trường Đại học Dược Hà Nội	A003	Các chuyên ngành thuộc lĩnh vực Dược khoa ở các trình độ.
4	Trường Đại học Y Dược thuộc ĐH Thái Nguyên	A004	Các chuyên ngành tương ứng với mã ngành hệ chính quy đang được đào tạo
5	Trường Đại học Y Thái Bình	A005	Các chuyên ngành tương ứng với mã ngành hệ chính quy đang được đào tạo
6	Trường Đại học Y Hải Phòng	A006	Các chuyên ngành tương ứng với mã ngành hệ chính quy đang được đào tạo
7	Trường Đại học Y tế công cộng Hà Nội	A007	Các chuyên ngành Y tế cộng đồng ở các trình độ.
8	Học viện Y Dược học Cổ truyền Việt Nam	A008	Các chuyên ngành thuộc lĩnh vực YHCT và các lĩnh vực khác tương ứng với mã ngành hệ chính quy đang đào tạo.
9	Trường Đại học Răng Hàm Mặt -Hà Nội	A009	Các chuyên ngành thuộc lĩnh vực RHM .
10	Trường Đại học KTYT Hải Dương	A010	Các chuyên ngành thuộc lĩnh vực KTYH, các lĩnh vực khác tương ứng với mã ngành hệ chính quy đang đào tạo.
11	Trường ĐH Điều dưỡng Nam Định	A011	Các chuyên ngành thuộc lĩnh vực Điều dưỡng và các lĩnh vực khác tương ứng với mã ngành hệ chính quy đang đào tạo.
12	Trường Đại học Y- Dược thuộc đại học Huế	A012	Các lĩnh vực chuyên ngành tương ứng với mã ngành hệ chính quy đang đào tạo.
13	Khoa Y Đại học Tây Nguyên	A013	Các chuyên ngành tương ứng với mã ngành hệ chính quy đang được đào tạo
14	Trường ĐH Y khoa Phạm Ngọc Thạch	A014	Các lĩnh vực chuyên ngành tương ứng với mã ngành hệ chính quy đang đào tạo.
15	Trường Đại học Y Dược Cần Thơ	A015	Các lĩnh vực chuyên ngành tương ứng với mã ngành hệ chính quy đang đào tạo.
16	Học viện Quân Y	A016	Các lĩnh vực chuyên ngành tương ứng với mã ngành hệ chính quy đang đào tạo.
17	Khoa Điều dưỡng Đại học Thăng Long	A017	Các chuyên ngành thuộc lĩnh vực Điều dưỡng.
18	Khoa Điều dưỡng Đại học Yesin Đà Lạt	A018	Các chuyên ngành thuộc lĩnh vực Điều dưỡng.
19	Khoa Điều dưỡng và KTYT ĐH Hồng bàng	A019	Các lĩnh vực chuyên ngành tương ứng với mã ngành hệ chính quy đang đào tạo.
20	Trường Cao đẳng y tế Điện Biên	A020	Các chuyên ngành tương ứng với mã ngành hệ chính quy đang được đào tạo
21	Trường TCYT Lai Châu	A021	Các chuyên ngành tương ứng với mã ngành hệ chính quy đang được đào tạo

22	Trường Cao đẳng y tế Sơn La	A022	Các chuyên ngành tương ứng với mã ngành hệ chính quy đang được đào tạo
23	Trường trung cấp y tế Hoà Bình	A023	Các chuyên ngành tương ứng với mã ngành hệ chính quy đang được đào tạo
24	Trường Trung cấp y tế Lào Cai	A024	Các chuyên ngành tương ứng với mã ngành hệ chính quy đang được đào tạo.
25	Trường Trung cấp y tế Hà Giang	A025	Các chuyên ngành tương ứng với mã ngành hệ chính quy đang được đào tạo
26	Trường Trung cấp y tế Tuyên Quang	A026	Các chuyên ngành tương ứng với mã ngành hệ chính quy đang được đào tạo
27	Trường Trung cấp y tế Yên Bái	A027	Các chuyên ngành tương ứng với mã ngành hệ chính quy đang được đào tạo.
28	Trường Trung cấp y tế Cao Bằng	A028	Các chuyên ngành tương ứng với mã ngành hệ chính quy đang được đào tạo
29	TT ĐT&BD cán bộ Y tế Bắc Kạn	A029	Các chuyên ngành tương ứng với mã ngành hệ chính quy đang được đào tạo
30	Trường Cao đẳng y tế Lạng Sơn	A030	Các chuyên ngành tương ứng với mã ngành hệ chính quy đang được đào tạo
31	Trường Cao đẳng y tế Thái Nguyên	A031	Các chuyên ngành tương ứng với mã ngành hệ chính quy đang được đào tạo
32	Trường Cao đẳng y tế Phú Thọ	A032	Các chuyên ngành tương ứng với mã ngành hệ chính quy đang được đào tạo
33	Trường Cao đẳng Dược Phú Thọ	A033	Các chuyên ngành tương ứng với mã ngành hệ chính quy đang được đào tạo
34	Trường Trung cấp y tế Bắc Giang	A034	Các chuyên ngành tương ứng với mã ngành hệ chính quy đang được đào tạo.
35	Trường Trung cấp y tế Bắc Ninh	A035	Các chuyên ngành tương ứng với mã ngành hệ chính quy đang được đào tạo
36	Trường Cao đẳng y tế Quảng Ninh	A036	Các chuyên ngành tương ứng với mã ngành hệ chính quy đang được đào tạo
37	Trường Cao đẳng y tế Hà Nội	A037	Các chuyên ngành tương ứng với mã ngành hệ chính quy đang được đào tạo.
38	Trường trung cấp y tế Đặng Văn Ngữ (thuộc Viện SR-KST-CT TW)	A038	Các chuyên ngành KTV tương ứng đang được đào tạo
39	Trường Cao đẳng nghề Kỹ thuật Y tế	A039	Các lĩnh vực nghề thiết bị y tế từ trình độ cao đẳng trở xuống
40	Trường Trung cấp y tế Bạch Mai	A040	Các chuyên ngành tương ứng với mã ngành hệ chính quy đang được đào tạo
41	Trường Trung cấp tư thực YHCT Hà Nội	A041	Các chuyên ngành tương ứng với mã ngành hệ chính quy đang được đào tạo.
42	Trường Trung cấp tư thực Y Dược Hà Nội	A042	Các chuyên ngành tương ứng với mã ngành hệ chính quy đang được đào tạo
43	Trường TC tư thực Y-Dược Lê Hữu Trác	A043	Các chuyên ngành tương ứng với mã ngành hệ chính quy đang được đào tạo
44	Trường Trung cấp TT Dược Hà Nội	A044	Các chuyên ngành tương ứng với mã ngành hệ chính quy đang được đào tạo
45	Trường Cao đẳng y tế Hải Phòng	A045	Các chuyên ngành tương ứng với mã ngành hệ chính quy đang được đào tạo
46	Trường Trung cấp y tế Vĩnh Phúc	A046	Các chuyên ngành tương ứng với mã ngành hệ chính quy đang được đào tạo.
47	Trường Cao đẳng y tế Hà Đông	A047	Các chuyên ngành tương ứng với mã ngành hệ chính quy đang được đào tạo
48	Trường đại học Thành Tây (Khoa Điều dưỡng)	A48	Các chuyên ngành tương ứng với mã ngành hệ chính quy đang được đào tạo

49	Trường Trung cấp y tế Hải Dương	A049	Các chuyên ngành tương ứng với mã ngành hệ chính quy đang được đào tạo
50	Trường Cao đẳng Dược TW Hải Dương	A050	Các chuyên ngành tương ứng với mã ngành hệ chính quy đang được đào tạo
51	Trường Cao đẳng y tế Hưng Yên	A051	Các chuyên ngành tương ứng với mã ngành hệ chính quy đang được đào tạo.
52	Trường Cao đẳng y tế Hà Nam	A052	Các chuyên ngành tương ứng với mã ngành hệ chính quy đang được đào tạo
53	Trường Trung cấp y tế Nam Định	A053	Các chuyên ngành tương ứng với mã ngành hệ chính quy đang được đào tạo.
54	Trường Cao đẳng y tế Thái Bình	A054	Các chuyên ngành tương ứng với mã ngành hệ chính quy đang được đào tạo
55	Trường Cao đẳng y tế Ninh Bình	A055	Các chuyên ngành tương ứng với mã ngành hệ chính quy đang được đào tạo
56	Trường Cao đẳng y tế Thanh Hoá	A056	Các chuyên ngành tương ứng với mã ngành hệ chính quy đang được đào tạo
57	Trường Đại học Y khoa Vinh	A057	Các chuyên ngành tương ứng với mã ngành hệ chính quy đang được đào tạo
58	Trường Cao đẳng y tế Hà Tĩnh	A058	Các chuyên ngành tương ứng với mã ngành hệ chính quy đang được đào tạo.
59	Trường Trung cấp y tế Quảng Bình	A059	Các chuyên ngành tương ứng với mã ngành hệ chính quy đang được đào tạo
60	Trường Trung cấp y tế Quảng Trị	A060	Các chuyên ngành tương ứng với mã ngành hệ chính quy đang được đào tạo
61	Trường Cao đẳng y tế Huế	A061	Các chuyên ngành tương ứng với mã ngành hệ chính quy đang được đào tạo
62	Trung tâm Đào tạo và BD CBYT Đà Nẵng	A062	Các chuyên ngành tương ứng với mã ngành hệ chính quy đang được đào tạo
63	Trường Cao đẳng KTYT II (Đà Nẵng)	A063	Các chuyên ngành tương ứng với mã ngành hệ chính quy đang được đào tạo.
64	Trường CĐ KTKT Phương Đông (Đà Nẵng)	A064	Các chuyên ngành tương ứng với mã ngành hệ chính quy đang được đào tạo
65	Trường Cao đẳng y tế Quảng Nam	A065	Các chuyên ngành tương ứng với mã ngành hệ chính quy đang được đào tạo
66	Trường trung cấp y tế Quảng Ngãi	A066	Các chuyên ngành tương ứng với mã ngành hệ chính quy đang được đào tạo
67	Trường Cao đẳng y tế Bình Định	A067	Các chuyên ngành tương ứng với mã ngành hệ chính quy đang được đào tạo
68	Viện Sốt rét -KST-CT Quy Nhơn (lớp trung cấp)	A068	Các chuyên ngành KTV tương ứng với mã ngành hệ chính quy đang đào tạo
69	Trường trung cấp y tế Phú Yên	A069	Các chuyên ngành tương ứng với mã ngành hệ chính quy đang được đào tạo.
70	Trường Cao đẳng y tế Khánh Hoà	A070	Các chuyên ngành tương ứng với mã ngành hệ chính quy đang được đào tạo
71	Viện Pasteur Nha Trang (lớp Trung cấp)	A071	Các chuyên ngành KTV tương ứng với mã ngành hệ chính quy đang đào tạo
72	Trường trung cấp y tế KonTum	A072	Các chuyên ngành tương ứng với mã ngành hệ chính quy đang được đào tạo
73	Trường trung cấp y tế Gia Lai	A073	Các chuyên ngành tương ứng với mã ngành hệ chính quy đang được đào tạo
74	Trường trung cấp y tế Đắc Lắc	A074	Các chuyên ngành tương ứng với mã ngành hệ chính quy đang được đào tạo.
75	Trường Cao đẳng y tế Lâm Đồng	A075	Các chuyên ngành tương ứng với mã ngành hệ chính quy đang được đào tạo

76	Trường Cao đẳng y tế Bình Thuận	A076	Các chuyên ngành tương ứng với mã ngành hệ chính quy đang được đào tạo
77	Trường Trung cấp y tế Ninh Thuận	A077	Các chuyên ngành tương ứng với mã ngành hệ chính quy đang được đào tạo
78	Trường Cao đẳng y tế Đồng Nai	A078	Các chuyên ngành tương ứng với mã ngành hệ chính quy đang được đào tạo
79	Trường Cao đẳng y tế Bình Dương	A079	Các chuyên ngành tương ứng với mã ngành hệ chính quy đang được đào tạo.
80	Trường Trung cấp y tế Tây Ninh	A080	Các chuyên ngành tương ứng với mã ngành hệ chính quy đang được đào tạo
81	Trường Trung cấp y tế Bình Phước	A081	Các chuyên ngành tương ứng với mã ngành hệ chính quy đang được đào tạo
82	Trường Trung cấp y tế Bà Rịa-Vũng Tàu	A082	Các chuyên ngành tương ứng với mã ngành hệ chính quy đang được đào tạo
83	Viện Vệ sinh YTCC Tp HCM (lớp trung cấp)	A083	Các chuyên ngành KTV tương ứng với mã ngành hệ chính quy đang đào tạo
84	Khoa Điều dưỡng TCTT KT CN Cửu Long (HCM)	A084	Các chuyên ngành điều dưỡng tương ứng với mã ngành hệ chính quy đang được đào tạo.
85	Khoa Điều dưỡng TCTT KT-KT Phương Nam (HCM)	A085	Các chuyên ngành tương ứng với mã ngành hệ chính quy đang được đào tạo
86	Khoa Đào tạo nhân lực Y, Trường CĐ Nguyễn Tất Thành (HCM)	A086	Các chuyên ngành điều dưỡng tương ứng với mã ngành hệ chính quy đang được đào tạo
87	Trường TCTT Y tế Hồng Đức(HCM)	A087	Các chuyên ngành tương ứng với mã ngành hệ chính quy đang được đào tạo
88	Trường Trung cấp y tế Long An	A088	Các chuyên ngành tương ứng với mã ngành hệ chính quy đang được đào tạo
89	Trường Cao đẳng y tế Tiền Giang	A089	Các chuyên ngành tương ứng với mã ngành hệ chính quy đang được đào tạo.
90	Trường Trung cấp y tế Vĩnh Long	A090	Các chuyên ngành tương ứng với mã ngành hệ chính quy đang được đào tạo.
91	Trường Trung cấp y tế An Giang	A091	Các chuyên ngành tương ứng với mã ngành hệ chính quy đang được đào tạo
92	Trường Trung cấp y tế Đồng Tháp	A092	Các chuyên ngành tương ứng với mã ngành hệ chính quy đang được đào tạo
93	Trường Trung cấp y tế Bến Tre	A093	Các chuyên ngành tương ứng với mã ngành hệ chính quy đang được đào tạo
94	Trường Cao đẳng y tế Kiên Giang	A094	Các chuyên ngành tương ứng với mã ngành hệ chính quy đang được đào tạo
95	Trường Cao đẳng y tế Cần Thơ	A095	Các chuyên ngành tương ứng với mã ngành hệ chính quy đang được đào tạo.
96	Trường Cao đẳng y tế Trà Vinh	A096	Các chuyên ngành tương ứng với mã ngành hệ chính quy đang được đào tạo
97	Trường Trung cấp y tế Sóc Trăng	A097	Các chuyên ngành tương ứng với mã ngành hệ chính quy đang được đào tạo
98	Trường Cao đẳng y tế Bạc Liêu	A098	Các chuyên ngành tương ứng với mã ngành hệ chính quy đang được đào tạo
99	Trường Cao đẳng y tế Cà Mau	A099	Các chuyên ngành tương ứng với mã ngành hệ chính quy đang được đào tạo.
100	Đại học đại học quốc gia (Khoa Y Dược)	A100	Các chuyên ngành tương ứng với mã ngành hệ chính quy y dược đang được đào tạo.

(Danh sách này gồm có 100 cơ sở đào tạo nhân lực y tế được công nhận đủ điều kiện để đào tạo liên tục cán bộ y tế)

2. Danh sách các đơn vị đủ điều kiện đào tạo liên tục cán bộ y tế với mã số B

STT	Tên cơ sở đào tạo liên tục nhân lực y tế	Mã	Lĩnh vực được phép đào tạo liên tục ngành y tế
1.	Bộ Y tế (Các Vụ, Cục, Thanh tra Bộ)	B01	Các khoá đào tạo do các Vụ, Cục trực tiếp đào tạo.
2.	Viện Vệ sinh dịch tễ trung ương	B02	Các chuyên ngành thuộc các lĩnh vực dịch tễ học, Y học dự phòng, Y tế công cộng.
3.	Viện Kiểm nghiệm thuốc trung ương	B03	Các chuyên ngành thuộc lĩnh vực: Phân tích kiểm nghiệm thuốc và mỹ phẩm.
4.	Bệnh viện Mắt trung ương	B04	Các chuyên ngành thuộc lĩnh vực nhãn khoa.
5.	Bệnh viện Tai Mũi Họng Trung ương	B05	Các chuyên ngành thuộc các lĩnh vực chuyên khoa Tai Mũi Họng.
6.	Viện Y học Lao động và Vệ sinh Môi trường	B06	Các lĩnh vực Y học lao động và vệ sinh môi trường.
7.	Viện Vệ sinh Y tế công cộng Tp Hồ Chí Minh	B07	Các chuyên ngành thuộc các lĩnh vực dịch tễ học, Y học dự phòng, Y tế công cộng.
8.	Viện Pasteur TP Hồ Chí Minh	B08	Các chuyên ngành thuộc các lĩnh vực dịch tễ học, Y học dự phòng, Y tế công cộng.
9.	Viện thông tin và Thư viện Y học trung ương	B09	Các lĩnh vực về thông tin, thư viện y học và ứng dụng CNTT trong hoạt động thông tin thư viện y học.
10.	Bệnh viện Phụ sản Trung ương	B10	Các chuyên ngành thuộc lĩnh vực Sản Phụ Khoa.
11.	Bệnh viện Thống Nhất	B11	Các chuyên ngành thuộc lĩnh vực Cấp cứu Nội Khoa, Điện Tâm đồ và Siêu âm tim.
12.	Bệnh viện Chợ Rẫy	B12	Các chuyên ngành lâm sàng, cận lâm sàng và phục hồi chức năng.
13.	Bệnh viện Điều dưỡng Phục Hồi chức năng trung ương	B13	Các chuyên ngành về Điều dưỡng và Phục hồi chức năng.
14.	Bệnh viện Nhi trung ương	B14	Các chuyên ngành lâm sàng, cận lâm sàng và phục hồi chức năng Nhi Khoa.
15.	Bệnh Viện Hữu nghị	B15	Các chuyên ngành lâm sàng, cận lâm sàng và phục hồi chức năng.
16.	Bệnh viện Y học Cổ truyền	B16	Các chuyên ngành y học cổ truyền
17.	Viện Giám định Y Khoa	B17	Các chuyên ngành giám định y khoa
18.	Trung tâm dạy nghề công đoàn y tế Việt Nam	B18	Văn hoá ứng xử, kỹ năng giao tiếp, An toàn Vệ sinh Lao động.
19.	Viện Dinh dưỡng	B19	Dinh dưỡng cộng đồng, Dinh dưỡng tiết chế, An toàn vệ sinh thực phẩm
20.	Hội điều dưỡng Việt Nam - Trung tâm tư vấn và dịch vụ điều dưỡng hỗ trợ cộng đồng.	B20	Quản lý điều dưỡng, Nghiên cứu điều dưỡng, Phòng ngừa chuẩn, Nâng cao nghiệp vụ cho hộ lý.
21.	Trung tâm chăm sóc sức khoẻ sinh sản thành phố Cần Thơ	B21	Chăm sóc Sức khoẻ sinh sản (theo chương trình đào tạo ngắn hạn đã được Bộ Y tế phê duyệt và ban hành)
22.	Viện Y học Biển	B22	Các lĩnh vực về Y học Biển.
23.	Bệnh viện Lão khoa trung ương	B23	Chẩn đoán và điều trị các bệnh thường gặp ở người cao tuổi, Chăm sóc người bệnh cao tuổi.
24.	Bệnh viện Bạch Mai	B24	Các chuyên ngành lâm sàng, cận lâm sàng và phục hồi chức năng.
25.	Viện Huyết học – Truyền máu trung ương	B25	Các lĩnh vực về Huyết học – Truyền máu.
26.	Bệnh viện Từ Dũ	B26	Các chuyên ngành về Sản - Phụ khoa, Chăm sóc sức khoẻ sinh sản.
27.	Bệnh viện đa khoa trung ương Thái Nguyên	B27	Các chuyên ngành lâm sàng, cận lâm sàng và phục hồi chức năng.

28.	Trung tâm đào tạo bồi dưỡng cán bộ dân số – y tế	B28	Các chuyên ngành về dân số y tế.
29.	Bệnh viện Răng Hàm Mặt Trung ương Hà Nội	B29	Các chuyên ngành về Răng Hàm Mặt.
30.	Trung tâm Chăm sóc sức khỏe sinh sản tỉnh Thừa Thiên – Huế.	B30	Chăm sóc Sức khỏe sinh sản (theo chương trình đào tạo ngắn hạn đã được Bộ Y tế phê duyệt và ban hành).
31.	Bệnh viện Bệnh Nhiệt đới trung ương	B31	Các chuyên ngành đào tạo về truyền nhiễm.
32.	Trung tâm Chăm sóc sức khỏe sinh sản tỉnh An Giang	B32	Chăm sóc Sức khỏe sinh sản (theo chương trình đào tạo liên tục đã được Bộ Y tế phê duyệt và ban hành)
33.	Trung tâm Chăm sóc sức khỏe sinh sản tỉnh Quảng Ninh	B33	Chăm sóc Sức khỏe sinh sản (theo chương trình đào tạo ngắn hạn đã được Bộ Y tế phê duyệt và ban hành) khu vực Đông Bắc.
34.	Trung tâm Chăm sóc sức khỏe sinh sản tỉnh Vĩnh Phúc	B34	Chăm sóc Sức khỏe sinh sản (theo chương trình đào tạo ngắn hạn đã được Bộ Y tế phê duyệt và ban hành) khu vực Tây Bắc.
35.	Trung tâm Chăm sóc sức khỏe sinh sản TP Hồ Chí Minh	B35	Chăm sóc Sức khỏe sinh sản (theo chương trình đào tạo ngắn hạn đã được Bộ Y tế phê duyệt và ban hành).
36.	Trung tâm nghiên cứu, đào tạo và phát triển nguồn nhân lực y tế	B36	Phương pháp sư phạm y học, Quản lý giáo dục y học, quản lý nghiên cứu khoa học y học, Phương pháp nghiên cứu khoa học y sinh học.
37.	Bệnh viện Phong – Da liễu trung ương Quy Hoà	B37	Các nội dung về chuyên ngành phong và da liễu.
38	Bệnh viện Nhi đồng 1 – TP Hồ Chí Minh	B38	Các nội dung đào tạo lĩnh vực Nhi khoa.
39	Bệnh viện Nhi Đồng 2	B39	Các nội dung đào tạo cán bộ y tế về lĩnh vực Nhi khoa.
40	Bệnh viện Châm cứu Trung ương	B40	Các chuyên ngành đào tạo về Châm cứu.
41	Bệnh viện E	B41	Các chuyên ngành lâm sàng, cận lâm sàng và phục hồi chức năng.
42	Bệnh viện 71 trung ương	B42	Các lĩnh vực liên quan đến chuyên ngành lao và bệnh phổi.
43	Bệnh viện Việt Nam – Thụy điển Uông Bí	B43	Các chuyên ngành lâm sàng, cận lâm sàng và phục hồi chức năng.
44	Bệnh viện Trung ương Huế	B44	Các chuyên ngành lâm sàng cận lâm sàng và phục hồi chức năng.
45	Bệnh viện Phổi Trung ương	B45	Các chuyên ngành đào tạo về lao và các bệnh phổi.
46	Viện Sốt rét – KST – CT TP Hồ Chí Minh	B46	Các chuyên ngành đào tạo về Sốt rét, ký sinh trùng và côn trùng truyền bệnh.
47	Bệnh viện C Đà Nẵng	B47	Các chuyên ngành lâm sàng, cận lâm sàng và phục hồi chức năng.
48	Viện Kiểm nghiệm an toàn vệ sinh thực phẩm Quốc gia	B48	Các nội dung đào tạo về lĩnh vực Kiểm nghiệm an toàn vệ sinh thực phẩm.
49	Bệnh viện Tâm thần trung ương 2	B49	Các chuyên ngành lâm sàng, cận lâm sàng và phục hồi chức năng trong lĩnh vực tâm thần.
50	Bệnh viện Tâm thần trung ương 1	B50	Các chuyên ngành lâm sàng, cận lâm sàng và phục hồi chức năng trong lĩnh vực tâm thần
51	Bệnh viện đa khoa trung ương Cần Thơ	B51	Các chuyên ngành lâm sàng, cận lâm sàng và phục hồi chức năng.

(Danh sách này gồm có 51 đơn vị được công nhận đủ điều kiện để đào tạo liên tục cán bộ y tế)

3. Danh sách các đơn vị đủ điều kiện đào tạo liên tục cán bộ y tế với mã số C

STT	Tên cơ sở đào tạo liên tục nhân lực y tế	Mã	Lĩnh vực được phép đào tạo liên tục ngành y tế
1.	Sở Y tế Hồ Chí Minh	C01	
1.1	Bệnh viện Mắt	C01.01	Các nội dung đào tạo đã được Sở Y tế phê duyệt chương trình và tài liệu.
1.2	Bệnh viện Bình dân	C01.02	Các nội dung đào tạo đã được Sở Y tế phê duyệt chương trình và tài liệu.
1.3	Bệnh viện Nhân dân Gia định	C01.03	Các nội dung đào tạo đã được Sở Y tế phê duyệt chương trình và tài liệu.
1.4	Bệnh viện cấp cứu Trưng Vương	C01.04	Các nội dung đào tạo đã được Sở Y tế phê duyệt chương trình và tài liệu.
1.5	Bệnh viện Từ Dũ	C01.05	Các nội dung đào tạo đã được Sở Y tế phê duyệt chương trình và tài liệu.
1.6	Bệnh viện Răng Hàm Mặt	C01.06	Các nội dung đào tạo đã được Sở Y tế phê duyệt chương trình và tài liệu.
1.7	Viện Y Dược học dân tộc	C01.07	Các nội dung đào tạo đã được Sở Y tế phê duyệt chương trình và tài liệu.
1.8	Bệnh viện Y học cổ truyền	C01.08	Các nội dung đào tạo đã được Sở Y tế phê duyệt chương trình và tài liệu.
1.9	Viện Tim TP Hồ Chí Minh	C01.09	Các nội dung đào tạo đã được Sở Y tế phê duyệt chương trình và tài liệu.
1.10	Bệnh viện Tai Mũi Họng	C01.10	Các nội dung đào tạo đã được Sở Y tế phê duyệt chương trình và tài liệu.
1.11	Bệnh viện Nhiệt Đới	C01.11	Các nội dung đào tạo đã được Sở Y tế phê duyệt chương trình và tài liệu.
1.12	Bệnh viện Nguyễn Tri Phương	C01.12	Các nội dung đào tạo đã được Sở Y tế phê duyệt chương trình và tài liệu.
1.13	Bệnh viện Nguyễn Trãi	C01.13	Các nội dung đào tạo đã được Sở Y tế phê duyệt chương trình và tài liệu.
1.14	Bệnh viện Nhi đồng 1	C01.14	Các nội dung đào tạo đã được Sở Y tế phê duyệt chương trình và tài liệu.
1.15	Bệnh viện Nhân dân 115	C01.15	Các nội dung đào tạo đã được Sở Y tế phê duyệt chương trình và tài liệu.
1.16	Bệnh viện Hùng Vương	C01.16	Các nội dung đào tạo đã được Sở Y tế phê duyệt chương trình và tài liệu.
1.17	Trung tâm chăm sóc sức khỏe sinh sản	C01.17	Các nội dung đào tạo đã được Sở Y tế phê duyệt chương trình và tài liệu.
1.18	Bệnh viện Nhi đồng 2	C01.18	Các nội dung đào tạo đã được Sở Y tế phê duyệt chương trình và tài liệu.
1.19	Bệnh viện ung bướu	C01.19	Các nội dung đào tạo đã được Sở Y tế phê duyệt chương trình và tài liệu.
1.20	Trung tâm kiểm chuẩn xét nghiệm	C01.20	Các nội dung đào tạo đã được Sở Y tế phê duyệt chương trình và tài liệu.
1.21	Bệnh viện Phạm Ngọc Thạch	C01.21	Các nội dung đào tạo đã được Sở Y tế phê duyệt chương trình và tài liệu.
1.22	Bệnh viện đa khoa khu vực Thủ Đức	C01.22	Các nội dung đào tạo đã được Sở Y tế phê duyệt chương trình và tài liệu.
1.23	Bệnh viện Quận Thủ Đức	C01.23	Các nội dung đào tạo đã được Sở Y tế phê duyệt chương trình và tài liệu.
2.	Sở Y tế Bắc Giang	C02	
2.1	BV đa khoa tỉnh Bắc giang	C02.01	Các nội dung đào tạo đã được Sở Y tế phê duyệt chương trình và tài liệu.

2.2	BV Y học cổ truyền tỉnh Bắc Giang	C02.02	Chuyên ngành y học cổ truyền (chương trình và tài liệu đã được Sở Y tế phê duyệt)
2.3	Bệnh viện điều dưỡng và phục hồi chức năng tỉnh Bắc Giang	C02.03	Các nội dung đào tạo đã được Sở Y tế phê duyệt chương trình và tài liệu.
2.4	Trung tâm y tế dự phòng tỉnh Bắc Giang	C02.04	Các nội dung đào tạo đã được Sở Y tế phê duyệt chương trình và tài liệu.
3.	Sở Y tế An Giang	C03	
3.1.	Bệnh viện đa khoa tỉnh An Giang	C03.01	Các nội dung đào tạo đã được Sở Y tế phê duyệt chương trình và tài liệu.
3.2.	Chi Cục Dân số – Kế hoạch hoá gia đình	C03.02	Về nghiệp vụ dân số – kế hoạch hoá gia đình (chương trình và tài liệu đã được Sở Y tế phê duyệt)
4.	Sở Y tế Lai Châu	C04	
4.1.	Bệnh viện đa khoa tỉnh Lai châu	C04.01	Các nội dung đào tạo đã được Sở Y tế phê duyệt chương trình và tài liệu.
5.	Sở Y tế Hải Phòng	C05	
5.1	Bệnh viện Hữu nghị Việt Tiệp	C05.01	Các nội dung đào tạo đã được Sở Y tế phê duyệt chương trình và tài liệu.
5.2	Bệnh viện Trẻ em TP Hải Phòng	C05.02	Các nội dung đào tạo đã được Sở Y tế phê duyệt chương trình và tài liệu.
6.	Sở Y tế Sóc Trăng	C06	
6.01	Bệnh viện tỉnh Cà Mau	C06.01	Các nội dung đào tạo đã được Sở Y tế phê duyệt chương trình và tài liệu.
7.	Sở Y tế Cà Mau	C07	
7.1	Bệnh viện tỉnh Cà Mau	C07.01	Các nội dung đào tạo đã được Sở Y tế phê duyệt chương trình và tài liệu.
8.	Sở Y tế Khánh Hoà	C08	
8.1	Bệnh viện đa khoa tỉnh Khánh Hoà	C08.01	Các nội dung đào tạo đã được Sở Y tế phê duyệt chương trình và tài liệu.
9.	Sở Y tế Bình Định	C09	
9.1	Bệnh viện đa khoa tỉnh Bình Định	C09.01	Các nội dung đào tạo đã được Sở Y tế phê duyệt chương trình và tài liệu.
10.	Sở Y tế Quảng Ninh	C10	
10.1	Trung tâm chăm sóc sức khoẻ sinh sản	C10.01	Các nội dung đào tạo đã được Sở Y tế phê duyệt chương trình và tài liệu.
11.	Sở Y tế Đà Nẵng	C11	
11.1	Bệnh viện Đà Nẵng	C11.01	Các nội dung đào tạo đã được Sở Y tế phê duyệt chương trình và tài liệu.
11.2	Bệnh viện Da liễu TP Đà Nẵng	C11.02	Các nội dung đào tạo đã được Sở Y tế phê duyệt chương trình và tài liệu.
11.3	Bệnh viện Lao và bệnh phổi Đà Nẵng	C11.03	Các nội dung đào tạo đã được Sở Y tế phê duyệt chương trình và tài liệu.
11.4	Bệnh viện Tâm thần thành phố Đà Nẵng	C11.04	Các nội dung đào tạo đã được Sở Y tế phê duyệt chương trình và tài liệu.
11.5	Trung tâm y tế dự phòng	C11.05	Các nội dung đào tạo đã được Sở Y tế phê duyệt chương trình và tài liệu.
11.6	Trung tâm chăm sóc sức khoẻ sinh sản thành phố Đà Nẵng	C11.06	Các nội dung đào tạo đã được Sở Y tế phê duyệt chương trình và tài liệu.
12.	Sở Y tế Quảng Ngãi	C12	
12.1	Bệnh viện đa khoa Quảng Ngãi	C12.01	Các nội dung đào tạo đã được Sở Y tế phê duyệt chương trình và tài liệu.
13.	Sở Y tế Phú Yên	C13	
13.1	Bệnh viện đa khoa tỉnh Phú Yên	C13.01	Các nội dung đào tạo đã được Sở Y tế phê duyệt chương trình và tài liệu.
14.	Sở Y tế Ninh Thuận	C14	

14.1	Bệnh viện đa khoa tỉnh Ninh Thuận	C14.01	Các nội dung đào tạo đã được Sở Y tế phê duyệt chương trình và tài liệu.
15.	Sở Y tế Phú Thọ	C15	
15.1	Bệnh viện đa khoa tỉnh Phú Thọ	C15.01	Các nội dung đào tạo đã được Sở Y tế phê duyệt chương trình và tài liệu.
16.	Sở Y tế Bình Thuận	C16	
16.1	Bệnh viện đa khoa tỉnh Bình Thuận	C16.01	Các nội dung đào tạo đã được Sở Y tế phê duyệt chương trình và tài liệu.
17.	Sở Y tế Kiên Giang	C17	
17.1	Bệnh viện đa khoa tỉnh Kiên Giang	C17.01	Các nội dung đào tạo đã được Sở Y tế phê duyệt chương trình và tài liệu.
18.	Sở Y tế Quảng Nam	C18	
18.1	Bệnh viện Đa khoa Quảng Nam	C18.01	Các nội dung đào tạo đã được Sở Y tế phê duyệt chương trình và tài liệu.
19.	Sở Y tế Thanh Hoá	C19	
19.1	Bệnh viện đa khoa tỉnh Thanh Hoá	C19.01	Các nội dung đào tạo đã được Sở Y tế phê duyệt chương trình và tài liệu.
19.2	Bệnh viện Phụ sản tỉnh Thanh Hoá	C19.02	Các nội dung đào tạo đã được Sở Y tế phê duyệt chương trình và tài liệu.
19.3	Bệnh viện Nhi tỉnh Thanh Hoá	C19.03	Các nội dung đào tạo đã được Sở Y tế phê duyệt chương trình và tài liệu.
19.4	Bệnh viện Lao và bệnh phổi tỉnh Thanh Hoá	C19.04	Các nội dung đào tạo đã được Sở Y tế phê duyệt chương trình và tài liệu.
20.	Sở Y tế Thái Bình	C20	
20.1	Bệnh viện đa khoa tỉnh Thái Bình	C20.01	Các nội dung đào tạo đã được Sở Y tế phê duyệt chương trình và tài liệu
20.2	Bệnh viện Nhi tỉnh Thái Bình	C20.02	Các nội dung đào tạo đã được Sở Y tế phê duyệt chương trình và tài liệu
20.3	Bệnh viện Y học cổ truyền tỉnh Thái Bình	C20.03	Các nội dung đào tạo đã được Sở Y tế phê duyệt chương trình và tài liệu

(Danh sách này gồm có 20 Sở Y tế được công nhận đủ điều kiện để đào tạo liên tục cán bộ y tế)